

<p>- Nhờ đâu ông Trần Đại Nghĩa có những cống hiến to lớn như vậy ?</p> <p>Phần còn lại cho biết gì?</p> <p>+ Bài văn ca ngợi ai? Ca ngợi về điều gì?</p>		<p>- Nhờ có tấm lòng yêu nước , tận tụy, hết lòng vì nước ; ông lại là khoa học xuất sắc, ham nghiên cứu , học hỏi.</p> <p>Ý đoạn 4,5: Nhà nước đánh giá cao những cống hiến của anh hùng Trần Đại Nghĩa.</p> <p>Nội dung chính: Bài văn ca ngợi Anh hùng Lao động Trần Đại Nghĩa đã có những cống hiến xuất sắc cho sự nghiệp quốc phòng và xây dựng nền khoa học trẻ của đất nước.</p>
<p>3.4. HD HS đọc diễn cảm</p> <p>-GV hướng dẫn, nhắc nhở</p> <p>- GV treo bảng phụ có ghi đoạn văn cần đọc diễn cảm “Năm 1946, nghe theo...lô cốt của giặc”</p> <p>- GV cùng trao đổi, thảo luận với HS cách đọc diễn cảm (ngắt, nghỉ, nhấn giọng)</p> <p>GV cùng HS nhận xét</p>	11	<p>4 HS tiếp nối nhau đọc lại từng đoạn trong bài văn.</p> <p>- Thảo luận thầy – trò để tìm ra cách đọc phù hợp</p> <p>- HS luyện đọc diễn cảm đoạn văn theo cặp</p> <p>- HS đọc diễn cảm trước lớp</p> <p>- Đại diện nhóm thi đọc diễn cảm trước lớp.</p>
<p>4.Củng cố :</p> <p>-HS nêu ý nghĩa của bài.</p> <p>- Nhận xét giờ học</p>	2	<p>-HS nêu</p>
<p>5.Dặn dò:</p> <p>- Chuẩn bị : Bè xuôi sông La.</p>	1	<p>Học sinh thực hiện</p>

CHÍNH TẢ

TIẾT 21: (NHỚ - VIẾT) CHUYỆN CỔ TÍCH VỀ LOÀI NGƯỜI

I.MỤC TIÊU:

1.Kiến thức:

- Nhớ – viết đúng chính tả, trình bày đúng các khổ thơ trong bài :*Chuyện cổ tích về loài người.*

Dòng thơ 5 chữ

-Làm đúng bài tập 3(kết hợp đọc bài văn sau đã hoàn chỉnh)

2.Kĩ năng:

- Luyện viết đúng các tiếng có âm đầu, dấu thanh dễ lẫn : *r / d / gi, dấu hỏi / dấu ngã.*

3. Thái độ:

- Có ý thức rèn chữ viết đẹp. Trình bày bài cẩn thận, sạch sẽ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên :

2. Học sinh:

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Tg (ph)	Hoạt động của học sinh
1.Ổn định tổ chức :	1	

- HS chuẩn bị sách vở đồ dùng học tập		- HS thực hiện
2.Kiểm tra bài cũ : GV mời 1 HS đọc cho 2 bạn viết bảng lớp, cả lớp viết vào giấy nháp các từ ngữ đã được luyện viết ở tiết trước. <i>nẹp sắt, rất xóc, cao su, suýt ngã, lóp, sấm , Đân -lóp</i> GV nhận xét	3	- 2 HS viết bảng lớp, cả lớp viết bảng con - HS nhận xét
3.Bài mới : 3.1 Giới thiệu bài : Hôm nay cô hướng dẫn các em viết bài chính tả <i>Chuyện cổ tích về loài người.</i>	1	-HS lắng nghe nhắc lại bài
3.2. HD HS nhớ - viết chính tả - GV mời HS đọc yêu cầu của bài - Yêu cầu 2 HS đọc thuộc lòng đoạn thơ cần viết - GV nhắc HS cách trình bày thể thơ năm chữ, chú ý những chữ cần viết hoa, những chữ dễ viết sai chính tả - Yêu cầu HS viết bài vào vở. - GV chấm bài 1 số HS & yêu cầu từng cặp HS đổi vở soát lỗi cho nhau - GV nhận xét chung	20	1HS đọc to yêu cầu của bài,cả lớp đọc thầm - 2 HS đọc thuộc lòng bài thơ, các HS khác nhắm theo - HS luyện viết những từ ngữ dễ viết sai vào bảng con: <i>sáng, rõ, lời ru...</i> - HS gấp SGK, nhớ lại đoạn thơ, tự viết bài - HS đổi vở cho nhau để soát lỗi chính tả
3.3. HDHS làm bài tập chính tả <u>Bài tập 2a:</u> - GV mời HS đọc yêu cầu của bài tập 2a - GV yêu cầu HS tự làm vào vở - GV dán 3 tờ phiếu lên bảng, mời HS lên bảng làm bài. - GV nhận xét kết quả bài làm của HS, chốt lại lời giải đúng. <u>Bài tập 3:</u> - GV mời HS đọc yêu cầu của bài tập 3 - GV dán 3 tờ phiếu lên bảng, mời HS lên bảng thi tiếp sức. - GV nhận xét kết quả bài làm của HS, chốt lại lời giải đúng.	10	- HS đọc yêu cầu của bài tập - HS tự làm vào vở nháp - 3 HS làm phiếu, cả lớp làm nháp - Cả lớp nhận xét kết quả làm bài - Cả lớp sửa bài theo lời giải đúng Lời giải đúng: Mưa giăng, theo gió, rải tím. - HS đọc yêu cầu của bài tập - 3 nhóm HS lên bảng thi tiếp sức. HS làm bài bằng cách gạch bỏ những tiếng không thích hợp, viết lại những tiếng thích hợp. - HS làm bài sau cùng thay mặt nhóm đọc lại bài Cả lớp nhận xét, sửa bài theo lời giải đúng: Dáng thanh – thu dần – một điểm – rắn chắc – vàng thẫm – cánh dài – rục rờ – cần mẫn.
4.Củng cố : -Nhắc những HS viết sai chính tả ghi nhớ để không viết sai những từ đã học - Nhận xét giờ học	2	-HS nêu

5. Dặn dò: - Chuẩn bị bài: <i>Nghe – viết: Sầu riêng</i>	1	Học sinh thực hiện
--	---	--------------------

TOÁN TIẾT 102 : LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Rút gọn được phân số.
- Nhận biết được tính chất cơ bản của phân số.

2. Kỹ năng: hs đúng các bài tập

3. Thái độ:- HS biết vận dụng điều đã học vào cuộc sống.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên : Bảng phụ ghi nội dung BT2,3.

2. Học sinh: SGK, Vở

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Tg (ph)	Hoạt động của học sinh
1. Ổn định tổ chức : - HS chuẩn bị sách vở đồ dùng học tập	1	- HS thực hiện
2. Kiểm tra bài cũ : Rút gọn phân số - GV yêu cầu 2HS lên bảng làm lại BT1a - Nêu cách rút gọn phân số? GV nhận xét	4	2HS lên bảng sửa bài và nêu cách rút gọn phân số. - HS nhận xét
3. Bài mới : 3.1. Giới thiệu bài : Tiết học trước các em đã học cách rút gọn phân số. Bài học hôm nay, các em sẽ củng cố lại kiến thức đã học về rút gọn phân số.	1	-HS lắng nghe nhắc lại bài
3.2. Thực hành Bài tập 1: - Gọi HS đọc yêu cầu bài GV tổ chức cho HS thi đua cặp đôi - Chú ý: Chỉ cần HS rút gọn đúng. - Gv nhận xét tuyên dương	30	- HS đọc yêu cầu bài, thảo luận cặp đôi, lên bảng thi đua. $\frac{14}{28} = \frac{14 : 14}{28 : 14} = \frac{1}{2}; \quad \frac{25}{50} = \frac{25 : 25}{50 : 25} = \frac{1}{2}$ $\frac{48}{30} = \frac{48 : 6}{30 : 6} = \frac{8}{5}; \quad \frac{81}{54} = \frac{81 : 27}{54 : 27} = \frac{3}{2}$
Bài tập 2 - Gọi HS đọc yêu cầu bài		HS đọc yêu cầu bài, tìm kết quả đúng, lên

GV treo bảng phụ cho HS lên bảng khoan tròn phân số bằng phân số $\frac{2}{3}$ và giải thích tại sao chọn số đó. Bài tập 3: - Gọi HS đọc yêu cầu bài Tương tự như BT2 - Chú ý: Khi chữa bài cần yêu cầu HS giải thích vì sao khoan vào phân số đó Bài tập 4: - Gọi HS đọc yêu cầu bài, hướng dẫn mẫu Yêu cầu HS làm bài vào vở. GV chấm một số vở nhận xét.		bảng khoan tròn phân số bằng phân số $\frac{2}{3}$. +Phân số bằng $\frac{2}{3}$ là $\frac{20}{30}$; $\frac{8}{12}$ +Phân số bằng $\frac{25}{100}$ là $\frac{5}{20}$; $\frac{8}{32}$ - HS đọc yêu cầu bài, suy nghĩ và làm bài vào vở a) $\frac{2 \times 3 \times 5}{3 \times 5 \times 7} = \frac{2}{7}$ b) $\frac{8 \times 7 \times 5}{11 \times 8 \times 7} = \frac{5}{11}$ c) $\frac{19 \times 2 \times 5}{19 \times 3 \times 5} = \frac{2}{3}$ 2HS nêu – HS khác nhận xét. HS nhận xét tiết học.
4. Củng cố : - Muốn tìm phân số bằng với phân số đã cho ta làm thế nào ? - Nêu cách rút gọn phân số? - Nhận xét giờ học	3	-HS nêu
5. Dặn dò: Chuẩn bị bài: Quy đồng mẫu số các phân số.	1	Học sinh thực hiện

LUYỆN TỪ VÀ CÂU
TIẾT 41 : CÂU KỂ AI THẾ NÀO?

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Nhận biết được câu kể *Ai thế nào?*
- Xác định được bộ phận CN & VN trong câu kể tìm được.
- Bước đầu viết đoạn văn có dùng câu kể *Ai thế nào?*

2. Kỹ năng:

- Xác định được bộ phận CN & VN trong câu.
- Biết viết đoạn văn có dùng câu kể *Ai thế nào?*

3. Thái độ:

- HS biết viết câu văn đủ hai bộ phận vào bài làm của mình

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên : 3 tờ phiếu khổ to viết đoạn văn ở BT1 (phần Luyện tập).
 - Phiếu rời viết các câu văn ở BT1 (phần Nhận xét).
 - Yêu cầu HS sử dụng bút chì 2 đầu xanh, đỏ.
2. Học sinh: SGK, vở

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Tg (ph)	Hoạt động của học sinh
1. Ổn định tổ chức :	1	- HS thực hiện

<p>- HS chuẩn bị sách vở đồ dùng học tập</p>		
<p>2.Kiểm tra bài cũ : Mở rộng vốn từ: Sức khỏe - GV kiểm tra 2 HS GV nhận xét</p>	4	<p>- 1 HS làm lại BT2, 1 HS làm lại BT3 HS nhận xét</p>
<p>3.Bài mới : 3.1 Giới thiệu bài : Hôm nay cô cùng các em học bài Câu kể Ai thế nào ?</p>	1	<p>-HS lắng nghe nhắc lại bài</p>
<p>3.2 HD phân nhận xét Bài tập 1, 2: - GV yêu cầu HS đọc nội dung bài tập 1, 2 (đọc cả mẫu)</p> <p>- GV nhận xét, chốt lại lời giải bằng cách dán 3 tờ phiếu đã viết các câu văn ở BT1 lên bảng, mời 3 HS có lời giải đúng lên bảng gạch dưới những từ ngữ chỉ đặc điểm, tính chất hoặc trạng thái của sự vật trong mỗi câu.</p> <p>Bài tập 3: Gọi HS đọc yêu cầu của bài. - GV chỉ bảng từng câu văn đã viết trên phiếu, mời HS đặt câu hỏi (miệng) cho các từ ngữ vừa tìm được.</p> <p>GV nhận xét – tuyên dương HS đặt câu hỏi đúng.</p> <p>Bài tập 4 Gọi HS đọc yêu cầu của bài4 - GV chỉ bảng từng câu trên phiếu, mời HS nói những từ ngữ chỉ các sự vật được miêu tả trong mỗi câu. Sau đó</p> <p>Bài tập 5: Đặt câu hỏi cho các từ ngữ đó</p> <p>Ghi nhớ kiến thức: - Yêu cầu HS đọc thầm phần ghi nhớ</p>	30	<p>HS đọc nội dung bài tập 1, 2 + Cả lớp theo dõi trong SGK.</p> <p>- HS đọc kĩ đoạn văn, dùng bút gạch dưới những từ ngữ chỉ đặc điểm, tính chất hoặc trạng thái của sự vật trong các câu ở đoạn văn.</p> <p>- HS phát biểu ý kiến.</p> <p>- 3 HS có lời giải đúng lên bảng gạch dưới những từ ngữ chỉ đặc điểm, tính chất hoặc trạng thái của sự vật trong mỗi câu.</p> <p>+ Câu 1: Bên đường, cây cối xanh um.</p> <p>+ Câu 2: Nhà cửa thưa thớt dần.</p> <p>+ Câu 4: Chúng thật hiền lành.</p> <p>+ Câu 6: Anh trẻ & thật khỏe mạnh.</p> <p>- HS đọc yêu cầu của bài (đọc cả mẫu), suy nghĩ, đặt câu hỏi cho các từ ngữ vừa tìm được,</p> <p>- HS đặt câu hỏi (miệng). Cả lớp nhận xét.</p> <p>+ Câu 1: Bên đường, cây cối thế nào?</p> <p>+ Câu 2: Nhà cửa thế nào?</p> <p>+ Câu 4: Chúng thật thế nào?</p> <p>+ Câu 6: Anh thế nào?</p> <p>- HS đọc yêu cầu bài, suy nghĩ, trả lời câu hỏi.</p> <p>- HS tiếp nối nhau nêu những từ ngữ chỉ các sự vật được miêu tả trong mỗi câu.</p> <p>+ Câu 1: Bên đường, cây cối xanh um.</p> <p>+ Câu 2: Nhà cửa thưa thớt dần.</p> <p>+ Câu 4: Chúng (đàn voi) thật hiền lành.</p> <p>+ Câu 6: Anh trẻ & thật khỏe mạnh.</p> <p>- HS tiếp nối nhau đặt câu hỏi cho các từ ngữ vừa tìm được.</p> <p>+ Câu 1: Bên đường, cái gì xanh um?</p> <p>+ Câu 2: Cái gì thưa thớt dần?</p> <p>+ Câu 4: Những con gì thật hiền lành?</p> <p>+ Câu 6: Ai trẻ & thật khỏe mạnh?</p> <p>- HS đọc thầm phần ghi nhớ</p> <p>- 3 – 4 HS lần lượt đọc to phần ghi nhớ trong SGK</p>

<p>3.3. Hướng dẫn luyện tập</p> <p>Bài tập 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS đọc yêu cầu của bài tập - GV yêu cầu HS dùng bút chì đỏ gạch 1 gạch dưới bộ phận CN, dùng bút chì xanh gạch 1 gạch dưới bộ phận VN trong từng câu - - GV phát phiếu đã viết các câu văn, mời HS làm bài - GV nhận xét, chốt lại lời giải đúng. <p>Bài tập 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời HS đọc yêu cầu của bài tập - GV nhắc HS chú ý sử dụng câu <i>Ai thế nào?</i> trong bài kể để nói đúng tính nết, đặc điểm của mỗi bạn trong tổ. GV nhận xét, khen ngợi những HS kể đúng yêu cầu, chân thực, hấp dẫn 		<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu của bài tập. Cả lớp theo dõi SGK- HS trao đổi nhóm đôi. - HS có ý kiến đúng dán bài lên bảng , cả lớp sửa bài theo lời giải đúng. + <u>Rồi những người con /lớn lên và lần lượt lên</u> CN VN <u>đường.</u> + <u>Cần nhà/ trông vắng.</u> CN VN + <u>Anh Khoa / hồn nhiên xởi lởi.</u> CN VN + <u>Anh Đức / lằm lì, ít nói.</u> CN VN + <u>Còn anh Tinh / thì đĩnh đạc, chu đáo.</u> CN VN - HS đọc yêu cầu của bài tập - HS suy nghĩ, viết nhanh ra nháp các câu văn. HS tiếp nối nhau kể về các bạn trong tổ, nói rõ những câu <i>Ai thế nào?</i> các em dùng trong bài. - 2HS đọc bài trước lớp. - Cả lớp nhận xét. 2HS đọc lại ghi nhớ SGK
<p>4. Củng cố :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nêu lại kiến thức đã học - Nhận xét giờ học 	3	-HS nêu
<p>5. Dặn dò:- Chuẩn bị bài: Vị ngữ trong câu kể Ai thế nào?</p>	1	Học sinh thực hiện

KỂ CHUYỆN

TIẾT 21: KỂ CHUYỆN ĐƯỢC CHỨNG KIẾN HOẶC THAM GIA

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Dựa vào gợi ý trong SGK, chọn được câu chuyện (được chứng kiến hoặc tham gia) nói về một người có khả năng hoặc có sức khỏe đặc biệt
- Sắp xếp các sự việc thành một câu chuyện để kể lại rõ ý và trao đổi với bạn bè về ý nghĩa câu chuyện

2. Kỹ năng:

- Chăm chú theo dõi bạn kể chuyện. Nhận xét, đánh giá đúng lời kể của bạn.

3. Thái độ:

- HS thích môn kể chuyện.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên : Bảng nhóm viết tắt gợi ý 3 (dành ý cho 2 cách kể)
 - Bảng phụ viết tiêu chuẩn đánh giá bài kể chuyện:
2. Học sinh: + Nội dung (Kể có phù hợp với đề bài không?)
 - + Cách kể (Có mạch lạc, rõ ràng không?)
 - + Cách dùng từ, đặt câu, giọng kể.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Tg	Hoạt động của học sinh
-------------------------	----	------------------------

	(ph)	
<p>1. Ôn định tổ chức : - HS chuẩn bị sách vở đồ dùng học tập</p>	1	- HS thực hiện
<p>2. Kiểm tra bài cũ : Kể chuyện đã nghe, đã đọc - Yêu cầu 1 HS kể lại câu chuyện các em đã được đọc hay được nghe về một người có tài. GV nhận xét</p>	4	- HS kể - HS nhận xét
<p>3. Bài mới : 3.1 Giới thiệu bài : - Trong tiết kể chuyện hôm nay, cô sẽ tạo điều kiện cho các em được kể chuyện về một người có tài mà chính các em đã biết trong cuộc sống. Đây là yêu cầu kể chuyện khó hơn, đòi hỏi các em phải chịu nghe, chịu nhìn mới biết về những người xung quanh để kể về họ. - Cô đã yêu cầu các em đọc trước nội dung bài kể chuyện, suy nghĩ về câu chuyện mình sẽ kể. Các em đã chuẩn bị để học tốt giờ kể chuyện hôm nay như thế nào? (GV kiểm tra HS đã tìm đọc truyện ở nhà như thế nào) GV mời một số HS giới thiệu nhanh những truyện mà các em mang đến lớp.</p>	1	-HS lắng nghe nhắc lại bài - HS giới thiệu nhanh những truyện mà các em mang đến lớp
<p>3.2. HD HS hiểu yêu cầu của đề bài - GV gạch dưới những từ ngữ quan trọng trong đề bài, giúp HS xác định đúng yêu cầu của đề: <i>Kể lại một câu chuyện về một người có <u>khả năng</u> hoặc <u>có sức mạnh đặc biệt</u> mà em <u>biết</u>.</i> - GV dán lên bảng 2 phương án KC theo gợi ý 3. - Sau khi đã chọn phương án, GV yêu cầu HS lập nhanh dàn ý cho bài kể. Đồng thời GV khen ngợi những HS đã chuẩn bị tốt dàn ý cho bài kể chuyện trước khi đến lớp. - GV nhắc HS: Kể câu chuyện em đã chứng kiến, em phải mở đầu câu chuyện ở ngôi thứ nhất (<i>tôi, em</i>). Còn nếu kể câu chuyện em trực tiếp tham gia, chính em phải là nhân vật trong câu chuyện ấy. 3.3. HS thực hành kể chuyện a) Yêu cầu HS kể chuyện theo nhóm - GV đến từng nhóm, nghe HS kể,</p>	25	- HS đọc đề bài & gợi ý 1 - HS cùng GV phân tích đề bài - HS tiếp nối nhau nói đề tài kể chuyện & hướng xây dựng cốt truyện của mình. - HS đọc gợi ý, suy nghĩ, lựa chọn kể chuyện theo 1 trong 2 phương án đã nêu. - Sau khi chọn phương án, HS lập nhanh dàn ý cho bài kể chuyện. - Từng cặp HS kể chuyện cho nhau nghe

<p>hướng dẫn, góp ý. b) Yêu cầu HS thi kể chuyện trước lớp - GV dán lên bảng tiêu chuẩn đánh giá bài kể chuyện - GV viết lần lượt lên bảng tên những HS tham gia thi kể & tên truyện của các em (không viết sẵn, không chọn trước) để cả lớp nhớ khi nhận xét, bình chọn GV cùng cả lớp bình chọn bạn kể chuyện hay nhất, hiểu câu chuyện nhất</p>		<ul style="list-style-type: none"> - HS kể lại toàn bộ câu chuyện - Vài HS tiếp nối nhau thi kể chuyện trước lớp - Mỗi HS kể chuyện xong đều nói ý nghĩa câu chuyện của mình trước lớp hoặc trao đổi cùng bạn, đặt câu hỏi cho các bạn hoặc trả lời câu hỏi của cô giáo, của các bạn về nhân vật, chi tiết, ý nghĩa câu chuyện. - HS cùng GV bình chọn bạn kể chuyện hay nhất, hiểu câu chuyện nhất HS nghe-
<p>4.Củng cố : - GV nhận xét tiết học, khen ngợi những HS kể hay, nghe bạn chăm chú, nêu nhận xét chính xác - Nhận xét giờ học</p>	3	-HS nêu
<p>5.Dặn dò: -Chuẩn bị bài: “Con vịt xấu xí.”</p>	1	Học sinh thực hiện

KHOA HỌC TIẾT 41: ÂM THANH

I.MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Nhận biết được những âm thanh do vật rung động phát ra.

2 Kỹ năng:

- Biết và thực hiện các cách khác để làm cho vật phát ra âm thanh.

- Nêu được ví dụ hoặc làm thí nghiệm đơn giản chứng minh sự liên hệ giữa sự rung động và sự phát ra âm thanh.

3. Thái độ:

- HS thích tìm hiểu các hiện tượng xung quanh.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1.Giáo viên : +Đài và băng cát-sét ghi âm thanh một số loại vật, sấm sét, máy móc(nếu có).

-Chuẩn bị chung:đàn ghi-ta.

2. Học sinh: Chuẩn bị theo nhóm:

+Vỏ lon, thước, vài hòn sỏi.

+Trống nhỏ, một ít giấy vụn.

+Một số đồ vật khác để tạo ra âm thanh: kéo, lược...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Tg (ph)	Hoạt động của học sinh
1. Ôn định tổ chức : - HS chuẩn bị sách vở đồ dùng học tập	1	- HS thực hiện
2. Kiểm tra bài cũ : Bảo vệ bầu không khí trong sạch - Gọi 2 HS lên bảng trả lời câu hỏi - Em làm gì để bảo vệ bầu không khí trong sạch? - Gia đình và mọi người ở địa phương em đã bảo vệ bầu không khí trong sạch như thế nào? - GV nhận xét	4	2HS lên bảng trả lời câu hỏi . -HS khác nhận xét, bổ sung
3. Bài mới : 3.1 Giới thiệu bài : Hôm nay cô cùng các em học bài Âm thanh	1	-HS lắng nghe nhắc lại bài
3.2. HĐ1: Tìm hiểu các âm thanh xung quanh Mục tiêu: Nhận biết được những âm thanh xung quanh. Cách tiến hành: Làm việc cá nhân. -Em biết những âm thanh nào? -Trong những âm thanh các em vừa nêu, âm thanh nào do con người tạo ra? - Những âm thanh nào thường nghe vào buổi sáng sớm; buổi tối...? 3.3. HĐ2: Thực hành các cách phát ra âm thanh Mục tiêu: HS biết và thực hiện được các cách khác nhau để cho vật phát ra âm thanh. Cách tiến hành: Thực hành theo cặp. -Yêu cầu HS tìm cách tạo ra âm thanh với các vật cho ở hình 2 trang 82 SGK. -Yêu cầu HS thảo luận về cách phát ra âm thanh. GV cùng HS nhận xét – tuyên dương. 3.4. HĐ 3: Tìm hiểu khi nào vật phát ra âm thanh Mục tiêu: HS tìm hiểu nguyên nhân vật phát ra âm thanh. Cách tiến hành: Thực hành theo nhóm. - GV nêu: Ta thấy âm thanh phát ra từ nhiều nguồn với những cách khác nhau. Vậy có điểm nào chung khi âm thanh được phát ra hay không?	25	Những âm thanh em biết: tiếng nhạc, tiếng nói, tiếng va chạm, gà gáy, còi xe, - HS nêu – HS khác bổ sung Từng cặp HS thực hành và trình bày. - Cho sỏi vào ống và lắc; gõ sỏi hay thước vào ống; cọ hai viên sỏi vào nhau, gõ thước vào sỏi, . .

<p>-Yêu cầu HS làm thí nghiệm gõ trống theo hướng dẫn trang 83 SGK. -Vậy giữa âm thanh và sự rung của mặt trống có quan hệ thế nào? -Yêu cầu HS quan sát vài VD khác về vật rung động tạo ra âm thanh như: dây thun, dây đàn... -Yêu cầu HS để tay vào yết hầu và nói. Khi nói tay cảm thấy gì? Tại sao? -Vậy âm thanh do đâu mà có?</p> <p>GV nhận xét – kết luận chung:</p> <p>3.5. HĐ 4: Trò chơi “Tiếng gì, ở phía nào thế?” Mục tiêu: Phát triển thính giác (khả năng phân biệt được các âm thanh khác nhau, định hướng nơi phát ra âm thanh) Cách tiến hành: GV chia học sinh làm 2 nhóm, mỗi nhóm lần lượt gây ra 1 âm thanh và nhóm kia ghi lại xem do vật gì tạo ra, sau 3 phút nhóm nào ghi đúng nhiều hơn sẽ thắng. <i>Lưu ý:</i> GV có thể yêu cầu các nhóm phát hiện ra âm thanh truyền đến từ hướng nào</p>		<p>-Gõ trống và thảo luận HS sẽ nhận ra: khi gõ trống thì những mảnh giấy vụn văng lên chúng tỏ mặt trống có rung; khi gõ mạnh hơn thì mặt trống rung mạnh hơn và kêu to hơn; khi đặt tay lên trống rồi gõ thì trống ít rung nên kêu nhỏ hơn.. -Mặt trống rung thì phát ra âm thanh... -Dây đàn đang rung thì phát ra âm thanh khi ta lấy tay ngăn lại thì dây không rung nữa và âm thanh cũng tắt. -Để tay yết hầu và nói cảm nhận sự rung động của yết hầu (do dây thanh rung động) -Âm thanh do các vật rung động phát ra. 2HS đọc mục “Bạn cần biết” trang 83 SGK</p> <p>- HS các nhóm thực hành theo sự hướng dẫn của GV và trình trước lớp.</p> <p>HS cùng GV nhận xét.</p>
<p>4. Củng cố : - Âm thanh do đâu mà có? - Nhận xét giờ học</p>	3	-HS nêu
<p>5. Dặn dò: - Chuẩn bị bài : “Sự lan truyền âm thanh”</p>	1	Học sinh thực hiện

LỊCH SỬ

TIẾT 21 : NHÀ HẬU LÊ VÀ VIỆC TỔ CHỨC QUẢN LÝ ĐẤT NƯỚC

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Nhà Hậu Lê đã tổ chức quản lí đất nước tương đối chặt chẽ.
- Soạn bộ luật Hồng Đức(nắm nội dung cơ bản) vẽ bản đồ đất nước .

2 . Kỹ năng

HS trình bày được những chính sách ,pháp luật của nhà Hậu Lê nhằm quản lí đất nước

3. Thái độ

- Nhận thức bước đầu về vai trò của pháp luật.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên : -Sơ đồ về nhà nước thời Hậu lê (để gắn lên bảng) .
 -Một số điểm của bộ luật Hồng Đức .
2. Học sinh: Hình trong SGK ,vở

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Tg (ph)	Hoạt động của học sinh
<p>1. Ổn định tổ chức : - HS chuẩn bị sách vở đồ dùng học tập</p>	1	- HS thực hiện
<p>2. Kiểm tra bài cũ : Chiến thắng Chi Lăng. -Tại sao quân ta chọn ải Chi Lăng làm trận địa đánh địch ? -Em hãy thuật lại trận phục kích của quân ta tại ải Chi Lăng ? -Nêu ý nghĩa của trận Chi Lăng . -GV nhận xét</p>	4	<p>HS lên bảng trả lời câu hỏi . -HS khác nhận xét .</p>
<p>3. Bài mới : 3.1. Giới thiệu bài : Hôm nay cô cùng các em học bài Nhà Hậu Lê và việc tổ chức quản lí đất nước</p>	1	-HS lắng nghe nhắc lại bài
<p>3.2. HD1: Làm việc cả lớp: -GV giới thiệu khái quát về nhà Lê: + Tháng 4-1428, Lê Lợi chính thức lên ngôi vua, đặt lại tên nước là Đại Việt .Nhờ Lê trải qua một số đời vua .Nước đại Việt ở thời Hậu Lê phát triển rực rỡ nhất ở đời vua Lê Thánh Tông(1460-1497) . - <u>Lê Lợi lên ngôi vua vào ngày, tháng, năm nào? Đặt tên nước là gì?</u> - Nhà Hậu Lê đã trải qua một số đời vua & đạt tới đỉnh cao rực rỡ nhất ở đời vua nào? - GV nhận xét kết luận: 3.3. Sơ đồ nhà nước thời Hậu Lê và quyền lực của nhà vua -GV phát phiếu học tập cho HS . -GV tổ chức cho các nhóm dựa vào SGK ,thảo luận theo câu hỏi sau : +Nhà Hậu Lê ra đời trong thời gian nào ?Ai là người thành lập ?Đặt tên nước là gì ? Đứng đô ở đâu ? +Vì sao triều đại này gọi là triều Hậu Lê ? +Việc quản lí đất nước dưới thời Hậu Lê như thế nào ? -Việc quản lý đất nước thời Hậu Lê như thế nào chúng ta tìm hiểu qua sơ đồ.(GV treo sơ đồ lên bảng và giảng)</p> <div style="text-align: center;"> <p>Vua (Thiên tử)</p> </div>	25	<p>HS lắng nghe và suy nghĩ về tình hình tổ chức xã hội của nhà Hậu Lê có những nét gì đáng chú ý .</p> <p>-Lê Lợi lên ngôi vua vào tháng 4 năm 1428. Đặt tên nước là Đại Việt. - Nhà Hậu Lê đã trải qua một số đời vua & đạt tới đỉnh cao rực rỡ nhất ở đời vua Lê Thánh Tông.</p> <p>-HS các nhóm thảo luận theo câu hỏi GV đưa ra . - Thảo luận nhóm trả lời câu hỏi:</p> <p>+Nhà Hậu Lê do Lê Lợi thành lập năm 1428, tên nước là Đại Việt (như xưa), đóng đô ở Thăng Long + Vì để phân biệt với triều Lê do Lê Hoàn lập ra ở thế kỉ thứ 10. +Dưới triều Hậu Lê, việc quản lí đất nước ngày càng được củng cố và đạt tới đỉnh cao vào thời vua Lê Thánh Tông</p>

<pre> graph TD CB[Các bộ] --> Dao[Đạo] Vien[Viện] --> Dao Dao --> Phu[Phủ] Phu --> Huyen[Huyện] Huyen --> Xa[Xã] </pre>		<p>Vua là người đứng đầu nhà nước có quyền tuyệt đối , mọi quyền lực tập trung vào tay vua, vua trực tiếp chỉ huy quân đội</p> <p>- Cho vẽ bản đồ đất nước gọi là bản đồ Hồng Đức và bộ luật Hồng Đức, đây là bộ luật hoàn chỉnh đầu tiên của nước ta</p> <p>-Đề cao ý thức bảo vệ độc lập dân tộc, tôn trọng quyền lợi và địa vị người phụ nữ.</p> <p>HS trả lời _ HS khác nhận xét.</p>
<p>3.4. Giới thiệu vai trò của bộ luật Hồng Đức</p> <p>- Đề quản lí đất nước , vua Lê Thánh Tông đã làm gì? GV giải thích gọi là luật Hồng Đức vì nó ra đời dưới thời vua Lê Thánh Tông lúc ở ngôi vua, nhà vua đặt niên hiệu là Hồng Đức</p> <p>* GV giới thiệu vai trò của Bộ luật Hồng Đức rồi nhấn mạnh : Đây là công cụ để quản lí đất nước .</p> <p>-GV nêu một số điểm về nội dung của Bộ luật Hồng Đức (như trong SGK)</p> <p>+Luật hồng Đức có điểm nào tiến bộ ?</p> <p>-GV cho HS nhận định và trả lời. -GV nhận xét và kết luận .</p>	3	-HS nêu
<p>4.Củng cố :</p> <p>-Những sự kiện nào trong bài thể hiện quyền tối cao của nhà vua ?</p> <p>-Nêu những nội dung cơ bản của Bộ luật Hồng Đức .</p> <p>- Nhận xét giờ học</p>	1	Học sinh thực hiện
<p>5.Dặn dò:</p> <p>-Chuẩn bị trước bài: “Trường học thời Hậu Lê”.</p>		

*

TOÁN

TIẾT 103 :QUY ĐỒNG MẪU SỐ CÁC PHÂN SỐ

I.MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Bước đầu biết quy đồng mẫu số hai phân số trong trường hợp đơn giản.

2.Kĩ năng:

- Bước đầu thực hành quy đồng mẫu số hai phân số.

3. Thái độ:

- HS biết vận dụng vào việc tính toán hàng ngày.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên : - Bảng phụ ghi nội dung BT1.

2. Học sinh: SGK

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Tg (ph)	Hoạt động của học sinh
1. Ôn định tổ chức : - HS chuẩn bị sách vở đồ dùng học tập	1	- HS thực hiện
2. Kiểm tra bài cũ : Luyện tập GV yêu cầu 2HS lên bảng làm lại BT1 - Nêu tính chất hai phân số bằng nhau khi nào? - Nêu cách rút gọn phân số? GV nhận xét	4	- 2HS lên bảng làm lại BT1 và trả lời - HS nhận xét
3. Bài mới : 3.1 Giới thiệu bài : Hôm nay cô cùng các em học bài Quy đồng mẫu số hai phân số	1	-HS lắng nghe nhắc lại bài
3.2. HD HS quy đồng mẫu số hai phân số $\frac{1}{3}$ và $\frac{2}{5}$ - Cho hai phân số $\frac{1}{3}$ và $\frac{2}{5}$. Hãy tìm hai phân số có cùng mẫu số, trong đó một phân số bằng $\frac{1}{3}$ và một phân số bằng $\frac{2}{5}$? - Sau khi HS nêu ý kiến, GV chốt lại ý kiến thuận tiện nhất là nhân cả tử số & mẫu số của phân số này với mẫu số của phân số kia. - Nêu đặc điểm chung của hai phân số $\frac{5}{15}$ và $\frac{6}{15}$? - GV giới thiệu: từ $\frac{1}{3}$ và $\frac{2}{5}$ chuyển thành $\frac{5}{15}$ và $\frac{6}{15}$ (theo cách như trên) gọi là quy đồng mẫu số hai phân số, 15 gọi là mẫu số chung của hai phân số $\frac{1}{3}$ và $\frac{2}{5}$ - Yêu cầu vài HS nhắc lại. - Vậy để quy đồng mẫu số hai phân số, ta cần phải làm như thế nào?	30	- HS làm vở nháp $\frac{1}{3} = \frac{1 \times 5}{3 \times 5} = \frac{5}{15}; \quad \frac{2}{5} = \frac{2 \times 3}{5 \times 3} = \frac{6}{15}$ - HS trình bày ý kiến - Vài HS nhắc lại - Có cùng mẫu số là 15 - Vài HS nhắc lại. - HS nêu

<p>- Cho nhiều HS nhắc lại quy tắc cho đến khi thuộc quy tắc.</p> <p>3.3. Thực hành Bài tập 1: Gọi HS đọc yêu cầu bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS làm bài vào vở - GV tổ chức cho HS thi đua <p>GV cùng HS sửa bài nhận xét</p> <p>Bài tập 2: Gọi HS đọc yêu cầu bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS suy nghĩ làm bài vào vở - Gọi HS nêu cách quy đồng mẫu số của 2 phân số <p>GV chấm một số vở, sửa bài – nhận xét.</p>		<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc lại quy tắc trong SGK - HS đọc yêu cầu bài <p>a) $\frac{5}{6} = \frac{5 \times 4}{6 \times 4} = \frac{20}{24}$; $\frac{1}{4} = \frac{1 \times 6}{4 \times 6} = \frac{6}{24}$</p> <p>b) $\frac{3}{5} = \frac{3 \times 7}{5 \times 7} = \frac{21}{35}$; $\frac{3}{7} = \frac{3 \times 5}{7 \times 5} = \frac{15}{35}$</p> <p>c) $\frac{9}{8} = \frac{9 \times 9}{8 \times 9} = \frac{81}{72}$; $\frac{8}{9} = \frac{8 \times 8}{9 \times 8} = \frac{64}{72}$</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu bài và làm bài vào vở. <p>$\frac{7}{5} = \frac{7 \times 11}{5 \times 11} = \frac{77}{55}$; $\frac{8}{11} = \frac{8 \times 5}{11 \times 5} = \frac{40}{55}$;</p> <p>$\frac{5}{12} = \frac{5 \times 2}{12 \times 2} = \frac{10}{24}$; $\frac{3}{8} = \frac{3 \times 12}{8 \times 3} = \frac{36}{24}$</p> <p>$\frac{17}{10} = \frac{17 \times 7}{10 \times 7} = \frac{119}{70}$; $\frac{9}{7} = \frac{9 \times 10}{7 \times 10} = \frac{90}{70}$</p> <p>HS nêu - HS khác nhận xét.</p>
<p>4. Củng cố :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy đồng mẫu số hai phân số, ta làm như thế nào? - Nhận xét giờ học 	3	-HS nêu
<p>5. Dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài: Quy đồng mẫu số các phân số (tt) 	1	Học sinh thực hiện

TẬP ĐỌC
TIẾT 42 : BÈ XUỐI SÔNG LA

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Biết đọc diễn cảm 1 đoạn thơ với giọng nhẹ nhàng, tình cảm
- Hiểu nội dung, ý nghĩa của bài thơ : Ca ngợi vẻ đẹp của dòng sông La và sức sống mãnh liệt của con người Việt Nam .
- Học thuộc được một thơ trong bài

2. Kỹ năng

- Đọc trôi chảy, lưu loát bài thơ.
- Biết đọc diễn cảm bài thơ với giọng nhẹ nhàng, trù mến phù hợp với nội dung miêu tả cảnh đẹp thanh bình, êm ả của dòng sông La, với tâm trạng của người đi bè đang say mê ngắm cảnh và mơ ước tương lai..

3. Thái độ

- Bồi dưỡng tình cảm yêu quê hương đất nước

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

<p>Khổ thơ 3,4 cho biết điều gì?</p> <p>- Bài thơ ca ngợi gì?</p>		<p>Ý khổ thơ 3,4: Tài năng và sức mạnh của con người Việt Nam trong công cuộc xây dựng đất nước.</p> <p>Nội dung chính: Ca ngợi vẻ đẹp của dòng sông La và sức sống mãnh liệt của con người Việt Nam .</p>
<p>3.4. Đọc diễn cảm + HTL bài thơ</p> <p>- GV hướng dẫn đọc diễn cảm toàn bài.</p> <p>Chú ý hướng dẫn HS ngắt giọng , nhấn giọng đúng.</p> <p>- GV đọc mẫu – HDHS đọc diễn cảm đoạn 2.</p> <p>- Yêu cầu HS nhắm học thuộc lòng từng khổ thơ , cả bài.</p> <p>GV cùng HS nhận xét – tuyên dương</p>	10	<p>- 5HS luyện đọc diễn cảm toàn bài.</p> <p>- Học sinh nghe</p> <p>- HS luyện đọc diễn cảm theo cặp</p> <p>- Đại diện nhóm thi đọc diễn cảm trước lớp</p> <p>- HS nhắm học thuộc lòng từng khổ thơ , cả bài.</p> <p>- HS thi học thuộc lòng từng khổ thơ và cả bài.</p>
<p>4.Củng cố :</p> <p>-Học sinh nêu lại kiến thức đã học</p> <p>- Nhận xét giờ học</p>	3	-HS nêu
<p>5.Dặn dò:</p> <p>-Xem trước bài</p>	1	Học sinh thực hiện

ĐẠO ĐỨC

TIẾT 21 : LỊCH SỰ VỚI MỌI NGƯỜI (Tiết 1)

I.MỤC TIÊU:

1.Kiến thức:

- Biết ý nghĩa của việc cư xử lịch sự với mọi người
- Nêu được ví dụ về cư xử lịch sự với mọi người
- Biết cư xử lịch sự với những người xung quanh

2.Kĩ năng:

- Biết cư xử lịch sự với mọi người.

3. Thái độ:

- Tự trọng, tôn trọng người khác, tôn trọng nếp sống văn minh.
- Đồng tình với những người biết cư xử lịch sự & không đồng tình với những người cư xử bất lịch sự.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- 1.Giáo viên : SGK, mỗi HS hai tấm bìa : xanh, đỏ, .
2. Học sinh: SGK, vở ,

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Tg (ph)	Hoạt động của học sinh
<p>1.Ổn định tổ chức :</p> <p>- HS chuẩn bị sách vở đồ dùng học tập</p>	1	- HS thực hiện
<p>2.Kiểm tra bài cũ :</p> <p>Kính trọng, biết ơn người lao động</p> <p>- Em hãy nêu một số hành vi , việc làm của người biết kính trọng và biết ơn người lao động .</p>	4	2 HS nêu

<p>- Yêu cầu HS nhắc lại ghi nhớ. GV nhận xét</p>		<p>- 1 hs nhắc lại - HS nhận xét</p>
<p>3. Bài mới : 3.1. Giới thiệu bài : - Học sinh quan sát tranh và cho biết bức tranh vẽ gì ? Hôm nay cô cùng các em học bài Lịch sự với mọi người , qua câu chuyện : Chuyện ở tiệm may</p>	1	<p>HS nêu -HS lắng nghe nhắc lại bài</p>
<p>3.2. HĐ1: Làm việc cả lớp Truyện :Chuyện ở tiệm may. - GV kể chuyện - GV nêu yêu cầu: Các nhóm HS đọc truyện rồi thảo luận theo câu hỏi 1, 2 - + Em có nhận xét gì về cách cư xử của bạn Trang, bạn Hà trong câu chuyện trên? + Nếu em là bạn của Hà, em sẽ khuyên bạn điều gì? Vì sao? GV kết luận: - <i>Trang là người lịch sự vì đã biết chào hỏi mọi người, ăn nói nhẹ nhàng, biết thông cảm với cô thợ may...</i> - <i>Hà nên biết tôn trọng người khác & cư xử cho lịch sự.</i> - Biết cư xử lịch sự sẽ có lợi gì? Gọi HS nêu ghi nhớ bài SGK 3.3.HĐ2: Thảo luận nhóm đôi (BT1 BT 2) - GV chia nhóm & giao nhiệm vụ cho các nhóm thảo luận - HS giới thiệu : Thẻ đỏ là việc nên làm GV nhận xét kết luận: Bài 2 Trong ý kiến dưới đây em đồng ý với ý kiến nào ? GV kết luận : các ý kiến đúng là : c , d ; Lịch sự giúp mọi người gần gũi nhau hơn; mọi người đều phải cư xử lịch sự không phân biệt già -trẻ , nam- nữ, giàu- nghèo 3.4. HĐ3: Thảo luận nhóm (bài tập 3) - GV chia nhóm & giao nhiệm vụ cho các nhóm - GV nhận xét kết luận:</p>	25	<p>- HS nghe - Các nhóm đọc truyện thảo luận - Đại diện HS trả lời - Cả lớp nhận xét, bổ sung + Trang là người lịch sự vì đã biết chào hỏi mọi người, ăn nói nhẹ nhàng, biết thông cảm với cô thợ may. Hà thì ngược lại. + HS nêu – HS khác nhận xét + Biết cư xử lịch sự sẽ được mọi người tôn trọng, quý mến. 3HS đọc ghi nhớ bài. - Các nhóm HS thảo luận - Đại diện từng nhóm trình bày - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. + Các hành vi, việc làm (b), (d) là nên làm + Các hành vi, việc làm (a), (c), (đ) là không nên làm . Các nhóm thảo luận - Đại diện từng nhóm trình bày - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - Các nhóm thảo luận - Đại diện từng nhóm trình bày - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. + <u>Phép lịch sự giao tiếp thể hiện ở:</u> - Nói năng nhẹ nhàng, nhã nhặn, không nói tục, chửi bậy.</p>

		<ul style="list-style-type: none"> - Biết lắng nghe khi người khác đang nói. - Chào hỏi khi gặp gỡ. - Xin lỗi khi làm phiền người khác. - Biết dùng những lời yêu cầu, đề nghị khi muốn nhờ người khác giúp đỡ. - Gõ cửa, bấm chuông khi muốn vào nhà người khác. <p>Ăn uống từ tốn, không rơi vãi, không vừa nhai vừa nói. HS đọc để ghi nhớ.</p>
4.Củng cố : - GV mời HS đọc ghi nhớ. - Nhận xét giờ học	3	2HS đọc ghi nhớ bài. HS nhận xét tiết học
5.Dặn dò: -Về nhà: Sưu tầm ca dao, tục ngữ, truyện, tấm gương về cư xử lịch sự với bạn bè & mọi người.	1	Học sinh thực hiện

TẬP LÀM VĂN
TIẾT 41: TRẢ BÀI VĂN MIÊU TẢ ĐỒ VẬT

I.MỤC TIÊU:

1.Kiến thức:

-Biết rút kinh nghiệm về bài văn tả đồ vật (đúng ý ,bố cục rõ ,dùng từ đặt câu và viết đúng chính tả ...) tự sửa lỗi đã mắc trong bài viết theo hướng dẫn của GV

2.Kĩ năng:

- Biết tham gia sửa lỗi chung: biết tự sửa lỗi theo yêu cầu

3. Thái độ:

- Thấy được cái hay của bài văn được GV khen

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1.Giáo viên : -Một số tờ giấy ghi một số lỗi điển hình về chính tả, dùng từ, đặt câu, ý cần chữa chung trước lớp.

- Vở bài tập để HS thống kê các lỗi (chính tả, dùng từ, câu) trong bài làm của mình theo từng loại & sửa lỗi (phiếu phát cho từng HS).

2. Học sinh: SGK,vở

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Tg (ph)	Hoạt động của học sinh
1.Ổn định tổ chức : - HS chuẩn bị sách vở đồ dùng học tập	1	- HS thực hiện
2.Kiểm tra bài cũ : Tiết trước chúng ta học bài gì ? HS đọc đoạn văn giới thiệu về sự đổi thay của địa phương nơi em sống GV nêu nhận xét chung.	3	1 HS nêu

<p>3. Bài mới : 3.1 Giới thiệu bài : Hôm nay cô cùng các em chữa bài kiểm tra viết về miêu tả đồ vật</p>	1	-HS lắng nghe nhắc lại bài
<p>3.2 Nhận xét chung về kết quả làm bài - GV viết lên bảng đề bài của tiết TLV (kiểm tra viết) tuần 20. - Nêu nhận xét: > Ưu điểm: + Xác định đúng đề bài + Biết miêu tả. + Bố cục rõ ràng 3 phần bài làm tốt. > Những thiếu sót hạn chế: + Mở bài ngắn + Tả sơ sài + Cảm xúc chưa hay + Diễn đạt chưa tốt, câu văn còn lủng củng - GV trả bài cho từng HS. 3.3. Hướng dẫn HS chữa bài a) Hướng dẫn HS sửa lỗi GV phát phiếu cho từng HS làm việc. Nhiệm vụ: - Đọc lời nhận xét của GV. - Đọc những chỗ GV chỉ lỗi trong bài. - Viết vào phiếu học tập các lỗi trong bài làm theo từng loại & sửa lỗi. - Yêu cầu HS đổi bài làm, đổi phiếu cho bạn bên cạnh để soát lỗi còn sót, soát lại việc sửa lỗi - GV theo dõi, kiểm tra HS làm việc. b. Hướng dẫn HS chữa lỗi chung - GV dán lên bảng một số tờ giấy viết một số lỗi điển hình về chính tả, dùng từ, đặt câu, ý - GV chữa lại cho đúng bằng phấn màu (nếu sai). 3.4. HDHS học tập những đoạn văn, bài văn hay GV đọc những đoạn văn, bài văn hay của một số HS trong lớp (hoặc ngoài lớp sưu tầm được)</p>	30	<p>- HS đọc lại các đề bài kiểm tra</p> <p>- HS theo dõi</p> <p>HS chú ý theo dõi.</p> <p>- HS đọc thầm lại bài viết của mình, đọc kĩ lời phê của cô giáo, tự sửa lỗi.</p> <p>- HS viết vào phiếu học tập các lỗi trong bài làm theo từng loại & sửa lỗi.</p> <p>- HS đổi bài trong nhóm, kiểm tra bạn sửa lỗi.</p> <p>- Một số HS lên bảng chữa lần lượt từng lỗi. Cả lớp tự chữa trên nháp.</p> <p>- HS trao đổi về bài chữa trên bảng.</p> <p>- HS chép lại bài chữa vào vở.</p> <p>- HS nghe, trao đổi, thảo luận dưới sự hướng dẫn của GV để tìm ra cái hay, cái đáng học của đoạn văn, bài văn từ đó rút kinh nghiệm cho mình. HS chú ý nghe</p>
<p>4. Cũng cố : GV nhận xét tiết học, biểu dương những HS viết bài tốt & những HS biết chữa bài trong giờ học. Yêu cầu những HS viết bài chưa đạt</p>	3	-HS nghe

về nhà viết lại bài văn cho đạt yêu cầu		
5. Dặn dò: -Chuẩn bị bài: Cấu tạo bài văn miêu tả cây cối. (Dặn HS đọc lướt nội dung tiết TLV tới; quan sát trước một cây ăn quả quen thuộc để lập được dàn ý cho một cây ăn quả theo 1 trong 2 cách	1	Học sinh thực hiện

TOÁN

TIẾT 104 : QUY ĐỒNG MẪU SỐ CÁC PHÂN SỐ(TIẾP THEO)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

+ Biết quy đồng mẫu số hai phân số (trường hợp chọn một số cho trước làm MSC)

2. Kỹ năng: Làm đúng các bài tập về quy đồng mẫu số các phân số

3. Thái độ: - HS biết vận dụng điều đã học vào cuộc sống.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên : Bảng phụ ghi nội dung BT1

2. Học sinh: SGK+ vở

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Tg (ph)	Hoạt động của học sinh
1. Ôn định tổ chức : - HS chuẩn bị sách vở đồ dùng học tập	1	- HS thực hiện
2. Kiểm tra bài cũ : Quy đồng mẫu số hai phân số. - Quy đồng mẫu số hai phân số, ta làm như thế nào? - GV yêu cầu HS lên bảng quy đồng mẫu số 2 phân số $\frac{7}{6}$ và $\frac{3}{5}$ GV nhận xét	4	- 2HS lên bảng nêu và làm bài $\frac{7}{6} = \frac{7 \times 5}{6 \times 5} = \frac{35}{30}$; $\frac{3}{5} = \frac{3 \times 6}{5 \times 6} = \frac{18}{30}$ HS nhận xét
3. Bài mới : 3.1 Giới thiệu bài : Hôm nay cô cùng các em học bài Quy đồng mẫu số các phân số (tiếp theo)	1	-HS lắng nghe nhắc lại bài
3.2. HD HS quy đồng mẫu số hai phân số $\frac{7}{6}$ và $\frac{5}{12}$ - GV viết hai phân số lên bảng, yêu cầu HS quan sát & nêu đặc điểm của hai mẫu số? - Yêu cầu HS tự quy đồng hai mẫu số hai phân số. - GV chốt lại cách quy đồng đúng & nhanh nhất là: Mẫu số của phân số $\frac{5}{12}$	30	- HS quan sát & nêu mẫu số của phân số $\frac{5}{12}$ chia hết cho mẫu số của phân số $\frac{7}{6}$ ($12 : 6 = 2$). - HS làm nháp, hai HS có hai cách làm khác nhau lên sửa trên bảng. $\frac{7}{6} = \frac{7 \times 12}{6 \times 12} = \frac{84}{72}$; $\frac{5}{12} = \frac{5 \times 6}{12 \times 6} = \frac{30}{72}$ $\frac{7}{6} = \frac{7 \times 2}{6 \times 2} = \frac{14}{12}$; giữ nguyên phân số $\frac{5}{12}$